

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024 *REPORT OF BOARD OF GENERAL DIRECTORS FOR 2024*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÀY 17/04/2025
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
APRIL 17, 2025



Tổng quan chung kết quả 2024/ Overview of 2024 Results

Bước sang năm 2024, mặc dù thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều biến động và thanh khoản chưa có nhiều cải thiện, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục theo sát diễn biến thị trường và kịp thời điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp. Kết quả, hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty ghi nhận:

Entering 2024, despite ongoing market volatility and stagnant liquidity, the Executive Board closely monitored market developments and promptly adjusted business activities accordingly. As a result, the company's business performance in 2024 recorded:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 57,04 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,39% so với năm 2023 (58,4 tỷ đồng).
Net profit after tax reached VND 57.04 billion, a slight decrease of 2.39% compared to 2023 (VND 58.4 billion).
- Tổng doanh thu đạt 231,91 tỷ đồng, tăng 16,82% nhờ:
Total revenue amounted to VND 231.91 billion, an increase of 16.82%, driven by:
 - Lãi FVTPL tăng 37,24%/ *FVTPL profit up 37.24%*
 - Lãi AFS tăng 48,99%: *AFS profit up 48.99%*
 - Lãi cho vay và phải thu tăng 53,90%/ *Interest income and receivables up 53.90%*
 - Doanh thu môi giới tăng 21,69%/ *Brokerage revenue up 21.69%*
 - Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh 94,42%, không phát sinh doanh thu đại lý phát hành.
Financial income significantly decreased by 94.42%, with no issuance agency revenue recorded.
- Tổng chi phí tăng 31,91% lên 173,14 tỷ đồng, chủ yếu do:
Total expenses rose by 31.91% to VND 173.14 billion, mainly due to
 - Chi phí tài chính tăng 87,35%/ *Financial expenses increasing by 87.35%*
 - Chi phí hoạt động và quản lý tăng hơn 18%./ *Operating and administrative expenses rising by more than 18%.*
- Kết quả dẫn đến Lợi nhuận trước thuế đạt 58,77 tỷ đồng, giảm 12,63% so với năm 2023.
As a result, profit before tax reached VND 58.77 billion, down 12.63% compared to 2023.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT NĂM 2024

2024 CONSOLIDATED BUSINESS PERFORMANCE RESULTS

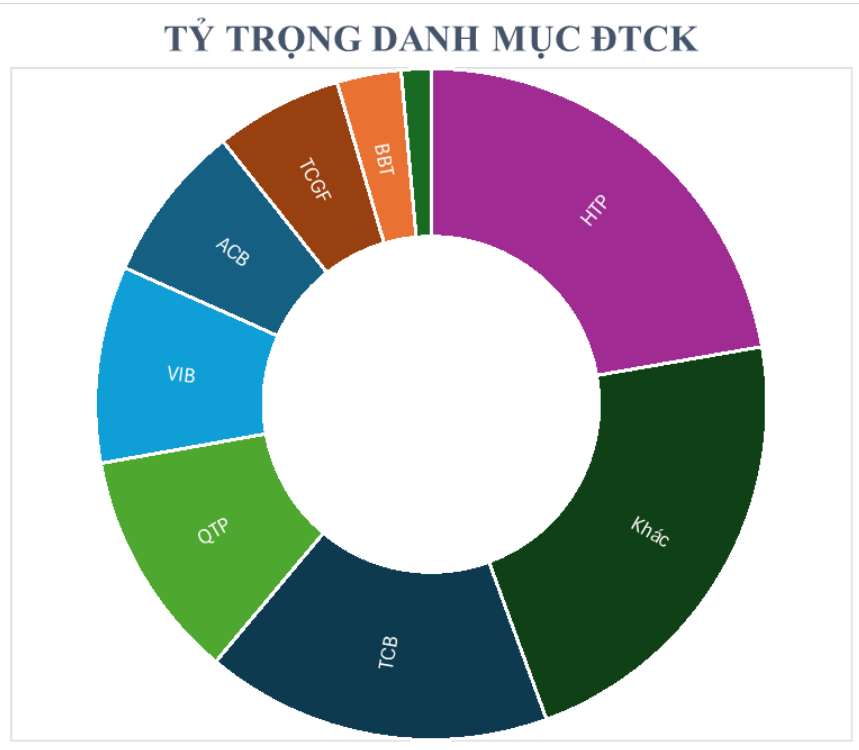
Đvt: tỷ đồng / Unit: VND billion

Chỉ tiêu Indicator	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Biến động (+/-) Variation (+/-)	Biến động (%) Variation (%)
1	2	3	4=(2-3)	5=4/3
Tổng Doanh thu/ Total Revenue	231,91	198,53	33,39	16,82%
Trong đó hạng mục doanh thu chính / Key Expense Categories:	-	-		
– Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) Profit from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	73,52	53,57	19,95	37,24%
– Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) Profit from held-to-maturity investments (HTM)	13,82	16,84	(3,03)	-17,96%
– Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) Profit from available-for-sale financial assets (AFS)	20,09	13,48	6,60	48,99%
– Lãi từ các khoản cho vay và phải thu / Profit from loans and receivables	84,15	54,68	29,47	53,90%
– Doanh thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán Revenue from securities underwriting and issuance agency activities	-	3,45	(3,45)	
– Doanh thu môi giới chứng khoán Revenue from securities brokerage activities	30,17	24,79	5,38	21,69%
– Doanh thu hoạt động tài chính / Financial income	1,62	29,01	(27,39)	-94,42%
Tổng Chi phí / Total Expenses	173,14	131,26	41,89	31,91%
Trong đó hạng mục chi phí chính / Key Expense Categories:	-	-		
– Chi phí hoạt động / Operating expenses	76,18	64,48	11,70	18,14%
– Chi phí tài chính / Financial expenses	44,65	23,84	20,82	87,35%
– Chi phí quản lý công ty chứng khoán/ Management expenses of the securities company	50,26	42,53	7,72	18,16%
Lợi nhuận kế toán trước thuế Profit before tax	58,77	67,27	(8,50)	-12,63%
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Profit after corporate income tax	57,04	58,44	(1,40)	-2,39%

■ Số dư các khoản đầu tư tại ngày cuối năm và doanh thu
Investment Balances at Year-End and Revenue

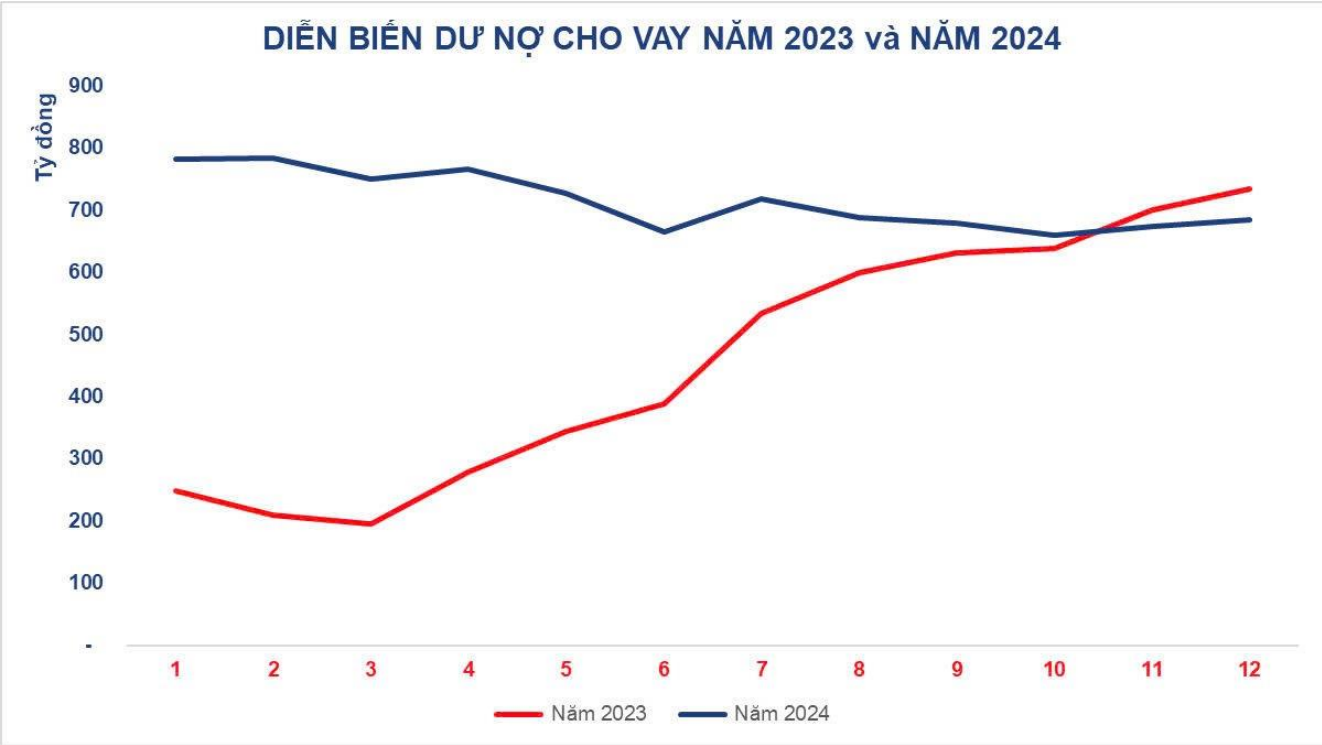
Đvt: tỷ đồng
Unit: VND Billion

Chỉ tiêu Indicator	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Biến động (+/-) Variation (+/-)	Biến động (%) Variation (%)
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính <i>Receivables and accrued dividends, interest on financial assets</i>	71,22	53,65	17,56	32,74%
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận <i>Accrued dividends, interest not yet received</i>	562,64	535,87	26,77	5,00%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) <i>Profit from FVTPL assets</i>	73,52	53,57	19,95	37,24%
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) <i>Profit from AFS assets</i>	20,09	13,48	6,60	48,99%



- Số dư nợ cho vay ký quỹ bình quân và doanh thu cho vay margin:
Average Margin Loan Balance and Margin Lending Revenue

Chỉ tiêu <i>Indicator</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2023 <i>Year 2023</i>	Biến động (+/-) <i>Variation (+/-)</i>	Biến động (%) <i>Variation (%)</i>
Số dư cho vay hoạt động ký quỹ bình quân <i>Average outstanding loan balance</i>	672,90	417,96	254,94	60,99%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu <i>Profit from loans and receivables</i>	84,15	54,68	29,47	53,90%



▪ Doanh thu phí giao dịch / *Transaction Fee Revenue:*

Đvt: tỷ đồng
Unit: VND Billion

Chỉ tiêu <i>Indicator</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2023 <i>Year 2023</i>	Biến động (+/-) <i>Variation (+/-)</i>	Biến động (%) <i>Variation (%)</i>
Doanh thu hoạt động môi giới <i>Brokerage revenue</i>	30,17	24,79	5,38	21,69%

Các hoạt động khác trong năm 2024 / Other Activities:

- Phát triển khách hàng: Nâng cao chất lượng tư vấn, hướng đến Khách hàng cao cấp và Tổ chức.
Customer service: Enhanced quality of brokerage services focusing on premium and institutional clients.
- Sản phẩm & Dịch vụ: Vận hành chứng khoán phái sinh, tham gia hệ thống thanh toán trái phiếu riêng lẻ, mở rộng hệ sinh thái sản phẩm.
Product development: Operate derivatives trading, participate in the private bond payment system, expand the product ecosystem
- Công nghệ: Đầu tư nâng cấp công nghệ, cải thiện chất lượng giao dịch trực tuyến, bảo mật và nhanh chóng.
Technology: Invest in technology to improve the quality, security, and speed of online transactions.
- Nguồn vốn: Duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán.
Capital: Maintain stable capital resources for margin lending and advance payment services.
- Quản trị rủi ro: Nhận diện và giám sát rủi ro, giảm thiểu nợ xấu trong năm biến động thị trường
Risk Management: Identify and monitor risks, minimizing bad debts during volatile market periods.

■ Doanh thu phí tư vấn / *Advisory Fee Revenue*:

Đvt: tỷ đồng
Unit: VND Billion

Chỉ tiêu <i>Indicator</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2023 <i>Year 2023</i>	Biến động (+/-) <i>Variation (+/-)</i>	Biến động (%) <i>Variation (%)</i>
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán <i>Underwriting and Securities Issuance Agency Revenue</i>	-	3,45	- 3,45	-100,00%
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán <i>Securities Investment Advisory Revenue</i>	0,15	0,21	- 0,06	-28,73%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính <i>Financial Advisory Revenue</i>	0,02	0,10	- 0,08	-80,00%

Nhận định thị trường năm 2024 / *Market Outlook for 2024:*

• Thị trường trái phiếu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức do sức cầu yếu, niềm tin nhà đầu tư suy giảm, chưa có chiều hướng quay lại. Do vậy, hoạt động IB của thị trường nói chung và của TCSC nói riêng không còn dễ dàng như trước. Tổ chức phát hành không mặn mà làm Trái phiếu do chi phí cơ bản cao hơn mặt bằng lãi suất Ngân hàng, các yêu cầu về pháp lý chặt chẽ hơn. Về phía bên mua sẽ chọn lựa hơn và yêu cầu điều khoản trái phiếu chặt chẽ hơn, mức phí tư vấn và thu xếp vốn cũng đối mặt sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn và khả năng chốt thương vụ cũng khó hơn.

Corporate bond market continues to face many challenges due to weak demand, declining investor confidence, and no clear signs of recovery. Consequently, IB activities in the market in general, and for TCSC in particular, are no longer as smooth as before. Issuers are less inclined to issue bonds due to higher costs compared to bank interest rates and stricter legal requirements. On the buyer side, investors will be more selective and demand stricter bond terms. Advisory and capital arrangement fees are also facing stronger competition, and deal closures are becoming more difficult.

• Đối với dịch vụ tư vấn thuần, thị phần vẫn nghiêng về CTCK lớn nhờ uy tín, thương hiệu và có sự hỗ trợ từ hệ thống.

The market share remains tilted towards large securities firms due to their reputation, branding, and strong system support.

KẾ HOẠCH KINH DOANH & CHỈ TIÊU 2025 *BUSINESS PLAN AND TARGETS FOR 2025*



Các mảng kinh doanh chính của TCSC trong 2025: *TCSC's Key Business Segments in 2025*

1. Tự doanh chứng khoán (*Proprietary Trading*)
2. Môi giới chứng khoán (*Securities Brokerage*)
3. Cho vay giao dịch ký quỹ (*Margin Lending*)
4. Ngân hàng đầu tư (*Investment Banking*)
5. Chứng khoán phái sinh (*Derivatives*)
6. Tư vấn đầu tư (*Investment Advisory*)

1. TỰ DOANH

PROPRIETARY TRADING

- Hoạt động tự doanh là nguồn đóng góp quan trọng vào doanh thu và lợi nhuận, ưu tiên phân bổ vốn
Proprietary trading remains an important channel contributing to revenue and profits.
- Đầu tư vào cổ phiếu cơ bản, ngành hưởng lợi từ chính sách kinh tế vĩ mô và xu thế chuyển đổi số
Investment in Fundamental Stocks and sectors benefiting from macroeconomic policies and digital transformation trends
- Cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.
Balancing between profit and risk.

Thuận lợi và khó khăn:

Advantages and Disadvantages:

- Thuận lợi: Nhân sự dày dặn kinh nghiệm.*
Advantages: Experienced personnel
- Khó khăn: Chịu tác động bởi diễn biến chung của kinh tế vĩ mô lẫn thị trường chứng khoán, khó dự báo*
Disadvantages: challenges from the unpredictable macroeconomic environment, the stock market, and the net selling trend of foreign investors

2. CHO VAY MARGIN

MARGIN LENDING

- Cho vay các cổ phiếu Bluechip hoặc có nền tảng cơ bản tốt kèm theo yếu tố thanh khoản.
Lending to Bluechip stocks or those with good fundamentals and liquidity...
- Thực hiện quản lý rủi ro cho vay tách bạch dựa theo đánh giá độc lập về doanh nghiệp của bộ phận Phân tích với chủ trương AN TOÀN vốn là yếu tố tiên quyết.
Implementing separate lending risk management based on independent business assessments by the Analysis department, with the principle that CAPITAL SAFETY is a prerequisite.

Thuận lợi và khó khăn:

Advantages and Disadvantages:

- Thuận lợi: TTCK diễn biến khá thuận lợi và thanh khoản tăng cao nên nhu cầu vay ký quỹ của Khách hàng lớn*
Advantages: The Stock Market performed favorably, and high liquidity led to high demand for margin loans from Customers.
- Khó khăn: nguồn vốn hạn chế, chi phí vốn chưa thực sự cạnh tranh*
Disadvantages: Limited capital resources, capital costs are not yet truly competitive.

3. MÔI GIỚI

SECURITIES BROKERAGE

- Xây dựng, cải tiến sản phẩm linh hoạt và chuyên biệt theo định hướng phát triển Môi giới.
Building and improving flexible and specialized products aligned with the development orientation of Brokerage.
- Xây dựng, phát triển thương hiệu phân khúc Khách hàng cao cấp, Khách hàng tổ chức
Build and enhance the brand in the premium and institutional customer segments.
- Tối ưu hóa chất lượng chăm sóc và tư vấn Khách hàng.
Optimize customer care and advisory quality.

Thuận lợi và khó khăn:

Advantages and Disadvantages:

- Thuận lợi: có hạ tầng CNTT, chính sách kinh doanh và sản phẩm được điều chỉnh theo hướng linh hoạt và cạnh tranh.*
Advantages: having IT infrastructure, business policies and products are adjusted towards flexibility and competitiveness.
- Khó khăn: Cạnh tranh mạnh mẽ về phí, lãi vay từ các CTCK.*
Disadvantages: Strong competition in fees and lending rates from other securities companies.

4. NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ INVESTMENT BANKING

- Tập trung chủ yếu vào hoạt động thu xếp vốn, đại lý phát hành chứng khoán, M&A
Focus primarily on capital arrangement and securities issuance agency, M&A activities.
- Liên kết với các mảng kinh doanh khác để xây dựng database khách hàng
Integrate with other business segments to build a customer database.

Thuận lợi và khó khăn:

Advantages and Disadvantages:

- **Thuận lợi:** Tận dụng sự hỗ trợ của cổ đông lớn. Hoạt động có rủi ro thấp và tiềm năng mang lại lợi nhuận đột biến
Advantages: Leverage support from major shareholders; low-risk operations with potential for significant profits.
- **Khó khăn:** Việc huy động vốn khó khăn do tình hình chung. Quy định pháp lý chặt chẽ hơn, chi phí phát hành tăng cao, khiến DN cân nhắc
Disadvantages: Capital mobilization is challenging due to the overall situation. Stricter legal regulations and higher issuance costs are causing businesses to reconsider.

5. TƯ VẤN ĐẦU TƯ INVESTMENT ADVISORY

- Tập trung các khách hàng quan tâm đến chất lượng tư vấn và có NAV cao.
Target customers who prioritize high-quality advisory services and have high NAV.
- Tập trung tăng trưởng quy mô khách hàng, phát triển đội ngũ với quy mô lớn hơn để tăng sự bền vững từ tệp khách hàng lớn.
Focus on expanding customer scale, growing the advisory team to ensure sustainable long-term client engagement.

Thuận lợi và khó khăn:

Advantages and Disadvantages:

- **Thuận lợi:** Đội ngũ nhân sự có chuyên môn, năng động; khung chính sách, qui trình đã hoàn thiện tạo tiền đề cho việc mở rộng quy mô.
Advantages: A professional and dynamic team; well-established policies and processes provide a solid foundation for expansion.
- **Khó khăn:** Thương hiệu TCSC chưa phổ biến với đa số khách hàng, tệp khách hàng dù tăng trưởng nhưng vẫn còn hạn chế.
Disadvantages: TCSC's brand awareness remains limited; despite growth, the client base is still relatively constrained.

6. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH DERIVATIVES

- Hoàn thiện hệ thống giao dịch, đảm bảo tính ổn định và bảo mật. *Enhance the trading system to ensure stability and security*
- Xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn sâu và năng động. *Build a professional and dynamic workforce with deep expertise*
- Tăng cường marketing nhằm thu hút khách hàng và tăng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ này. *Strengthen marketing efforts to attract customers and increase revenue*

Thuận lợi và khó khăn:

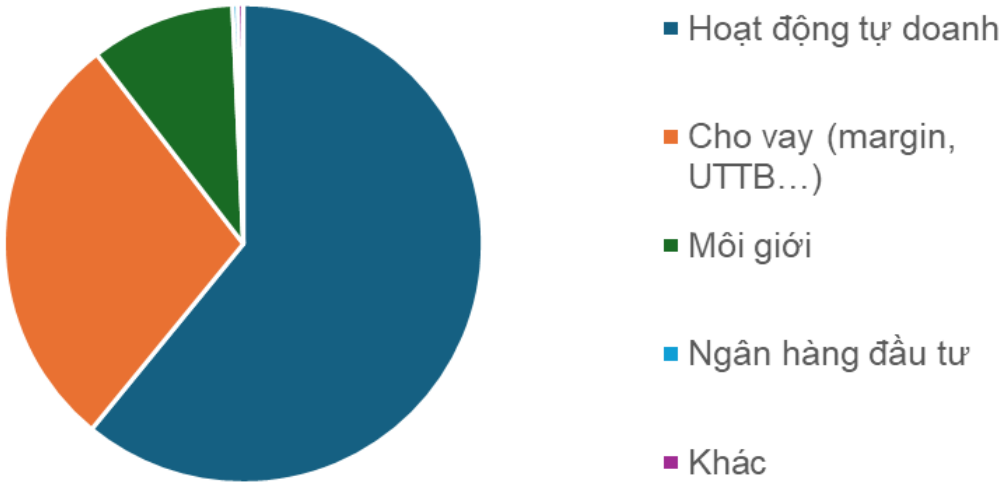
Advantages and Disadvantages:

- **Thuận lợi:** hệ thống tuy mới vận hành nhưng khá ổn định
Advantages: The system, although newly implemented, operates quite stably.
- **Khó khăn:** Thương hiệu TCSC chưa phổ biến với đa số khách hàng, đội ngũ vẫn cần xây dựng thêm
Challenges: The TCSC brand is not yet widely recognized by most customers, and the team still requires further development.

CẤU TRÚC DOANH THU HỢP NHẤT CONSOLIDATED REVENUE STRUCTURE

Doanh thu kỳ vọng <i>Expected Revenue</i>	Năm 2025 (triệu VND) <i>Year 2025 (VND Billion)</i>
Hoạt động tự doanh <i>Proprietary Trading</i>	168.500
Cho vay (margin, UTTB...) <i>Lending (Margin, Advance Payment, etc.)</i>	79.100
Môi giới <i>Brokerage</i>	27.000
Ngân hàng đầu tư <i>Investment Banking</i>	1.000
Khác <i>Others</i>	990
Tổng <i>Total</i>	276.590

Cấu trúc doanh thu



DỰ PHÓNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

2025 FORECAST BUSINESS PERFORMANCE RESULTS

CHỈ TIÊU (triệu VND) <i>INDICATOR (VNS billion)</i>	Năm 2025 BC RIÊNG <i>Year 2025/ SEPARATE REPORT</i>	Năm 2025 BC HỢP NHẤT <i>Year 2025/ CONSOLIDATED REPORT</i>
I. TỔNG DOANH THU	234.090	276.590
Doanh thu từ hoạt động tự doanh <i>Revenue from Proprietary Trading Activities</i>	126.000	168.500
Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu <i>Revenue from Loans and Receivables</i>	79.100	79.100
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán <i>Revenue from Securities Brokerage Activities</i>	27.000	27.000
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán <i>Revenue from Underwriting and Securities Issuance Agency Activities</i>	1.000	1.000
Doanh thu khác <i>Other Revenue</i>	990	990
II. TỔNG CHI PHÍ <i>TOTAL EXPENSES</i>	137.050	151.590
III. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ <i>TOTAL ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</i>	97.040	125.000
IV. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP <i>CORPORATE INCOME TAX</i>	19.408	25.000
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN <i>ACCOUNTING PROFIT AFTER CORPORATE INCOME TAX</i>	77.632	100.000

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

NGUYỄN ĐỨC HIẾU